

Ngày 31/12/2025	57,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	52.0%	33.2%	6.5%

	2025	
ROE	4.1%	+/- YoY ▲ 1.1%

	Q4/25		
DT thuần	1,476	QoQ ▲ 380 ▲ 34.7%	YoY ▲ 612 ▲ 70.9%
	tỷ VNĐ		

	2025	
DT thuần	3,681	YoY ▲ 869 ▲ 30.9%
	tỷ VNĐ	

	Q4/25		
LN gộp	107	QoQ ▲ 31.7 ▲ 41.7%	YoY ▲ 39.3 ▲ 57.6%
	tỷ VNĐ		

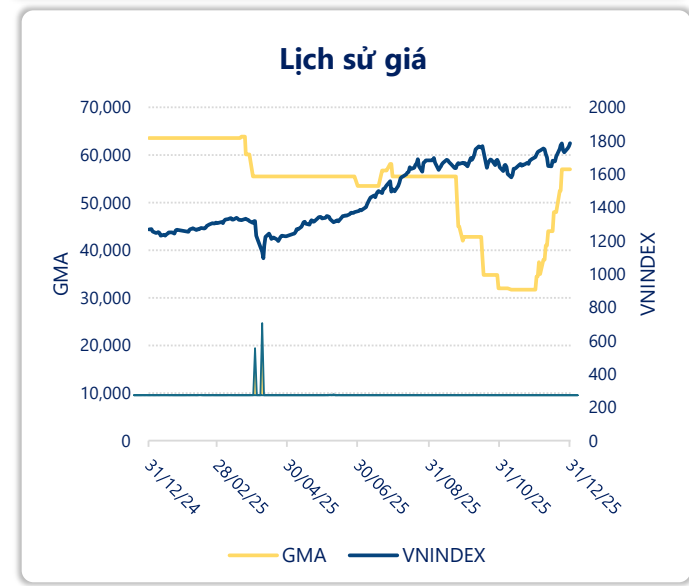
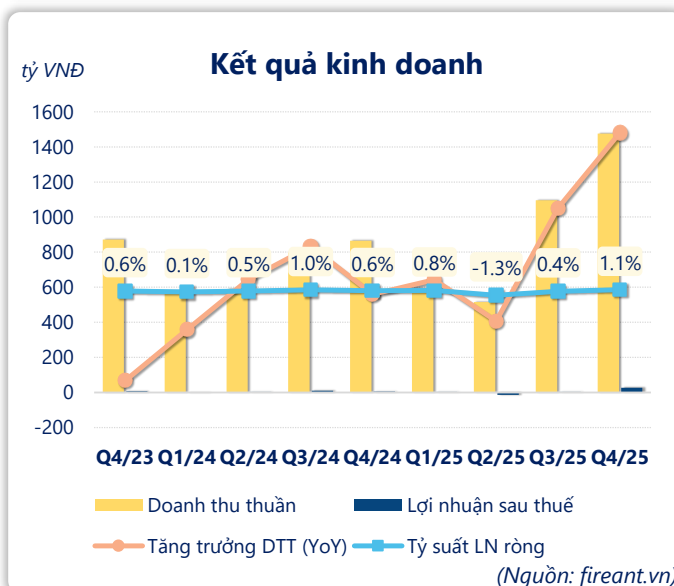
	2025	
LN gộp	277	YoY ▲ 38.0 ▲ 16.0%
	tỷ VNĐ	

	Q4/25		
LN thuần	18.7	QoQ ▲ 20.5 ▲ 1114%	YoY ▲ 11.7 ▲ 167%
	tỷ VNĐ		

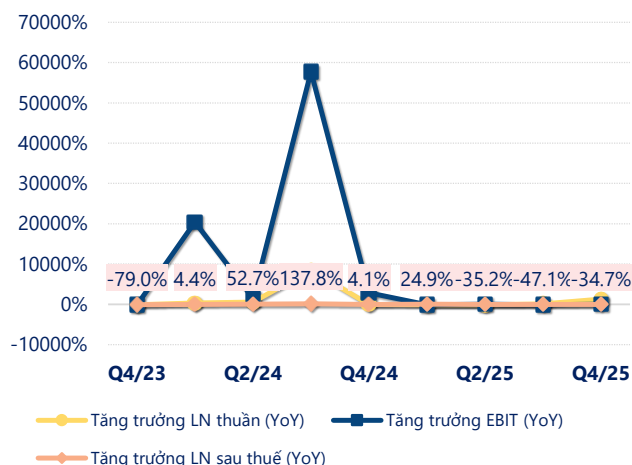
	2025	
LN thuần	8.65	YoY ▼ 7.55 ▼ 46.5%
	tỷ VNĐ	

	Q4/25		
LN sau thuế	26.4	QoQ ▲ 22.3 ▲ 550%	YoY ▲ 21.3 ▲ 415%
	tỷ VNĐ		

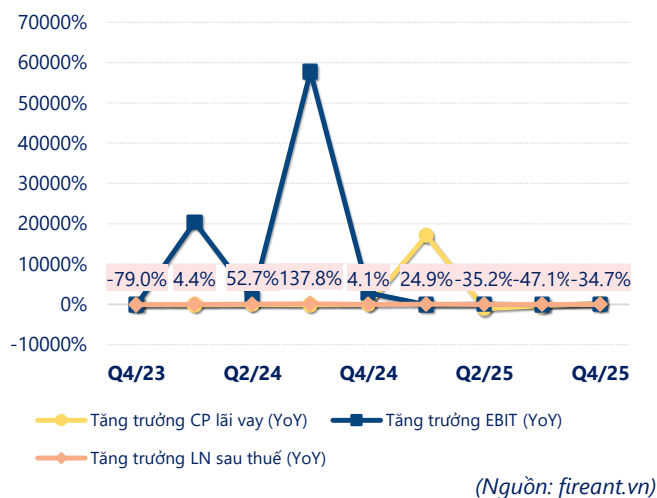
	2025	
LN sau thuế	20.2	YoY ▲ 5.10 ▲ 33.6%
	tỷ VNĐ	



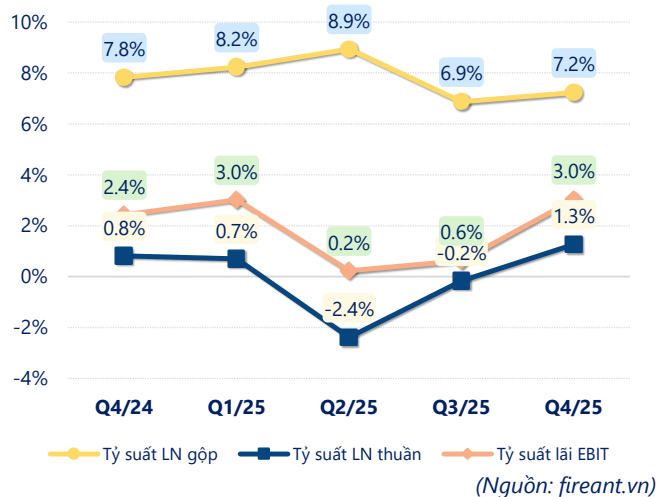
Tăng trưởng lợi nhuận



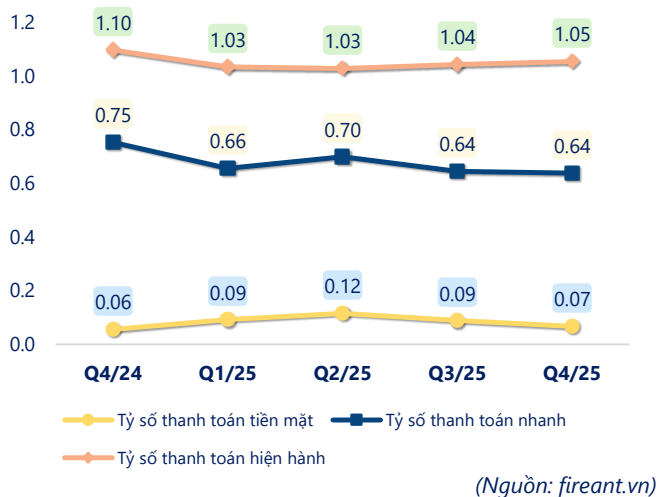
Tăng trưởng chi phí



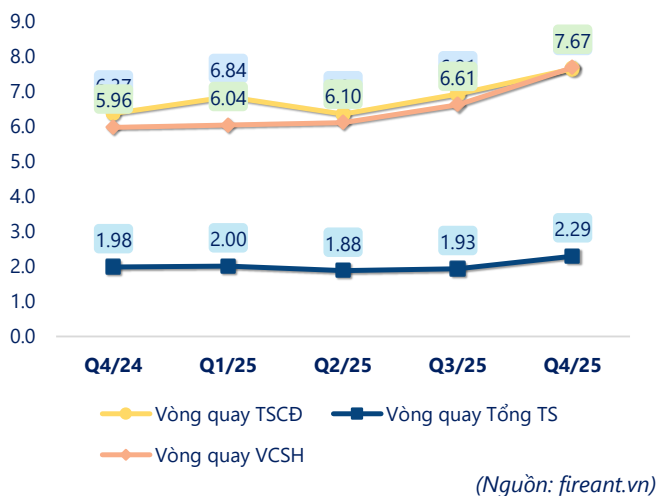
Tỷ suất lợi nhuận



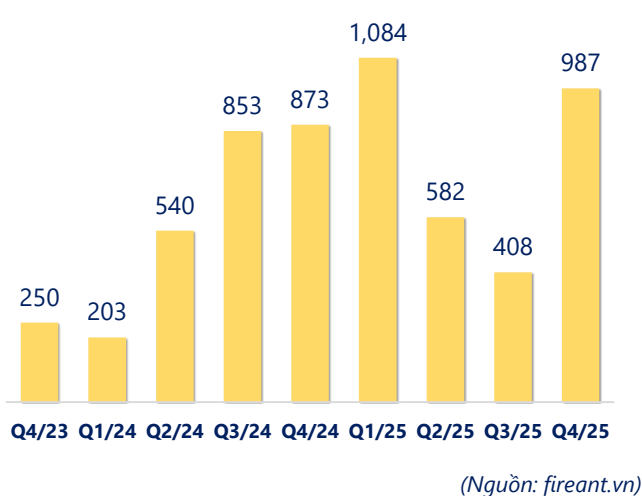
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,476	864	70.9%	3,681	2,812	30.9%
Giá vốn hàng bán	1,369	797	71.8%	3,404	2,573	32.3%
Lợi nhuận gộp	107	67.7	57.6%	277	239	16.0%
Doanh thu HĐTC	-1.30	-1.74	25.3%	2.77	2.94	-5.9%
Chi phí TC	17.3	14.2	21.6%	60.4	52.9	14.3%
Chi phí lãi vay	17.1	14.1	21.3%	46.1	52.2	-11.6%
LN trong công ty LKLD	2.48	0.70	254%	3.16	-0.88	459%
Chi phí bán hàng	39.6	23.6	67.7%	106	84.4	26.2%
Chi phí QLDN	32.4	21.8	48.5%	107	87.4	22.8%
LN thuần từ HĐKD	18.7	6.99	167%	8.65	16.2	-46.5%
Lợi nhuận khác	8.88	-0.06	14897%	15.8	4.77	232%
LN trước thuế	27.5	6.93	297%	24.5	20.9	16.9%
Lợi nhuận sau thuế	26.4	5.13	415%	20.2	15.1	33.6%
LNST của CĐ cty mẹ	16.8	5.24	221%	19.7	14.2	38.6%

(Nguồn: fireant.vn)

